TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **240**/2019/QĐST-HNGĐ	*BắcTừ Liêm, ngày 25 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 30 quyển số 01 đăng ký kết hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Đinh Thị S ngày 25/9/2006 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân & gia đình.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 342/2019/VHNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Phạm Văn T – SN 1978; ĐKNKTT: Thị xã B, thành phố Hà Nội.

+ Chị Đinh Thị Sáu – SN 1980; ĐKHKTT: phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cùng trú tại: TDP C, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn Thi và chị Đinh Thị Sáu.

- Về con chung: Anh T và chị S có 02 con chung là Phạm Bảo L, sinh ngày 28/3/2010 và Phạm Bảo N, sinh ngày 23/7/2013. Giao cả hai con chung cho chị Sáu trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2019 đến khi các con chung của anh chị trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ: Hai bên xác định không có nợ chung, không cho ai vay nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị S phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số AB/2015/0002939 ngày 17/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn và lưu trữ hồ sơ kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tống Quốc Thanh